



Kỳ 2 - tháng 4 (số 238)  
2023

# Tạp chí Nghiên cứu **TÀI CHÍNH KẾ TOÁN** JOURNAL OF FINANCE AND ACCOUNTING RESEARCH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH - BỘ TÀI CHÍNH

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



**TĂNG CƯỜNG CÔNG CỤ TÀI CHÍNH TRONG QUẢN LÝ NGUỒN THU TỪ ĐẤT**  
TÁC ĐỘNG CỦA THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ QUỐC TẾ ĐỐI VỚI QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC  
VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO VIỆT NAM



**Tạp chí  
Nghiên cứu  
TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN**

**TỔNG BIÊN TẬP**  
PGS.TS. NGUYỄN TRỌNG CƠ

**PHÓ TỔNG BIÊN TẬP**  
PGS.TS. TRƯƠNG THỊ THÙY

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP**  
GS.TS. NGÔ THẾ CHI

**ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP**  
PGS.TS. NGUYỄN ĐÀO TÙNG  
TS. NGUYỄN VĂN BÌNH  
GS.TS. ĐINH VĂN SƠN  
GS.TS. TRẦN VĂN NHUNG  
GS. JON SIBSON  
GS. NICK HAND  
PGS.TS. VŨ VĂN HÒA  
GS.TS. NGUYỄN ĐÌNH ĐỒ  
GS.TS. ĐOÀN XUÂN TIẾN  
GS.TS. CHÚC ANH TỬ  
PGS.TS. TRẦN ANH TUẤN  
PGS.TS. VŨ VĂN NINH  
PGS.TS. VŨ NGỌC ANH  
PGS.TS. PHẠM VĂN LIÊN  
PGS.TS. NGUYỄN VŨ VIỆT  
PGS.TS. TRẦN XUÂN HẢI  
PGS.TS. LÊ XUÂN TRƯỜNG  
PGS.TS. NGUYỄN BÁ MINH  
PGS.TS. LƯU ĐỨC TUYẾN  
PGS.TS. BÙI VĂN VÂN  
TS. LÊ THỊ THÙY VÂN  
TS. NGUYỄN THỊ LAN  
TS. LƯU HỮU ĐỨC  
PGS.TS. NGUYỄN MẠNH THIỀU  
PGS.TS. NGUYỄN LÊ CƯỜNG  
TS. LƯƠNG THỊ ANH HOA  
GS. MARK HOLMES  
PGS.TS. SIMONE DOMENICO SCAGNELLI  
PGS. CHUNG TRAN  
PGS.TS. VŨ DUY NGUYỄN  
PGS.TS. NGÔ THANH HOÀNG

**TRỊ SỰ**  
PGS.TS. NGÔ THANH HOÀNG

**THƯ KÝ TÒA SOẠN**  
Ths. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN  
ĐT: 0904755576

**HỖ TRỢ TRỰC TUYẾN**  
Ths. NGÔ VŨT BÔNG  
Ths. VŨ THỊ DIỆU LOAN  
Ths. HOÀNG HỮU SƠN

**TÒA SOẠN**  
SỐ 58 LÊ VĂN HIẾN, Q. BẮC TỪ LIÊM - HÀ NỘI

Điện thoại: 024.32191967  
E-mail: tapchinctckt@hvtc.edu.vn  
Website: https://tapchinctckt@hvtc.edu.vn

**TÀI CHÍNH VĨ MÔ**

5 Tăng cường công cụ tài chính trong quản lý nguồn thu từ đất

GS.TS. Ngô Thế Chi

11 Phát triển du lịch Thừa Thiên Huế trong liên kết Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Ths. Huỳnh Thị Hồng Hạnh

15 Tác động của thể chế chính trị quốc tế đối với quyền lực nhà nước và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam

TS. Lương Quang Hiến - Đỗ Ngọc Huyền  
Nguyễn Thị Thanh Tâm - Phạm Tuấn Minh

**NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI**

20 Thực trạng kế toán tài chính môi trường và giải pháp hoàn thiện

TS. Trần Hải Long - TS. Ngô Văn Lượng

26 Ảnh hưởng của mô hình TOES đến ứng dụng Internet kết nối vạn vật (IoT) trong kinh doanh khách sạn.

TS. Nguyễn Quang Vĩnh

31 Ảnh hưởng của vốn tâm lý đến hiệu suất công việc của nhân viên ngành chứng khoán

TS. Lục Mạnh Hiến

37 Mô hình giá trị hợp lý trong phát triển kế toán ở Việt Nam

TS. Đường Thị Quỳnh Liên

42 Những vấn đề đặt ra từ thực trạng phát triển khu kinh tế ven biển ở các tỉnh Bắc Trung bộ hiện nay

PGS.TS. Bùi Ngọc Quỳnh - PGS.TS. Tô Hiến Thà  
Ths. Đậu Vĩnh Phúc

47 Bàn về các yếu tố thúc đẩy mua sắm thực dụng, mua sắm theo sở thích: Nghiên cứu trường hợp về ý định sử dụng dịch vụ phát nhạc trực tuyến của Gen Z tại Việt Nam

Ths. Trương Đình Hải Thụy  
Ths. Nguyễn Thị Thanh Tâm  
Ths. Trương Đình Hồng Thụy  
Ths. Nguyễn Thị Trần Lộc



# MÔ HÌNH GIÁ TRỊ HỢP LÝ TRONG PHÁT TRIỂN KẾ TOÁN Ở VIỆT NAM

TS. Đường Thị Quỳnh Liên\*

*Trong xu thế hội nhập, các doanh nghiệp cần cung cấp báo cáo tài chính phù hợp với thông lệ quốc tế, trong đó thông tin của tài sản và nợ phải trả cần trình bày theo nguyên tắc giá trị hợp lý nhiều hơn là giá gốc. Giá trị hợp lý đang khẳng định những ưu thế trong định giá. Việc sử dụng giá trị hợp lý được Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB), Hội đồng Chuẩn mực Kế toán tài chính (FASB) ủng hộ và đang chuẩn bị những cơ sở quan trọng cho việc áp dụng rộng rãi tại các quốc gia. Tuy nhiên việc áp dụng giá trị hợp lý là vấn đề gây nhiều tranh cãi trên các diễn đàn nghiên cứu kế toán trong khoảng 2 thập kỷ trở lại đây, đặc biệt trong tiến trình phát triển kế toán ở Việt Nam. Bài viết đề cập cơ sở lý thuyết về giá trị hợp lý, khái quát thực trạng sử dụng mô hình giá trị hợp lý ở Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp áp dụng mô hình giá trị hợp lý trong phát triển kế toán ở Việt Nam.*

• Từ khóa: Giá trị hợp lý, giá trị, kế toán, phát triển, mô hình tính giá

*In the trend of integration, enterprises need to provide financial statements in accordance with international practices, in which information on assets and liabilities should be presented on the principle of fair value rather than historical cost. Fair value is asserting superiority in valuation. The use of fair value is supported by the International Accounting Standards Board (IASB) and the Financial Accounting Standards Board (FASB) and is preparing important foundations for its widespread application in financial institutions nation. However, the application of fair value has been a controversial issue in accounting research forums for the past two decades, especially in the process of accounting development in Vietnam. This article discusses the theoretical basis of the fair value model, summarizes the current situation of using the fair value model in Vietnam, and then proposes solutions applying the fair value model in accounting development in Vietnam.*

• Keywords: Fair value, value, accounting, development, pricing model.

## 1. Đặt vấn đề

Sự thay đổi về mục tiêu của thông tin kế toán là cơ sở cho sự phát triển của các lý thuyết kế toán mới, đặc biệt là sự thay đổi, phát triển trong việc sử dụng các cơ sở đo lường - các mô hình định giá khác ngoài mô hình giá gốc. Trong giai đoạn 1979-1986, khi nền kinh tế thế giới lạm phát cao, giá gốc không phản ánh được sự thay đổi của giá cả, mô hình giá gốc không đáp ứng được yêu cầu ra quyết định của các chủ thể có lợi ích liên quan. Do những hạn chế của mô hình giá gốc nên nhiều mô hình định giá khác đã ra đời nhằm bổ sung hoặc thay thế cho mô hình này, trong đó mô

Ngày nhận bài: 02/02/2023

Ngày gửi phản biện: 05/02/2023

Ngày nhận kết quả phản biện: 07/3/2023

Ngày chấp nhận đăng: 30/3/2023

hình mức giá chung và mô hình giá hiện hành được sử dụng nhiều.

Mô hình theo mức giá chung dựa trên chi số giá để điều chỉnh báo cáo tài chính (BCTC) nhằm loại trừ ảnh hưởng của biến động giá đặc biệt là lạm phát. Theo đó, các BCTC lập theo giá gốc sẽ được điều chỉnh để đảm bảo số liệu ở các thời điểm khác nhau có thể so sánh được với nhau. Mô hình tính giá là một trong những vấn đề trọng tâm của kế toán. Vì vậy, việc lựa chọn mô hình tính giá trong hệ thống kế toán ở mỗi quốc gia là rất quan trọng trên cơ sở phù hợp điều kiện kinh tế, xã hội và đảm bảo hài hòa với hệ thống kế toán các nước trong khu vực và trên thế giới. Ở Việt Nam, việc áp dụng các mô hình tính giá khác thay thế cho mô hình giá gốc cũng là một thách thức chủ yếu cho tiến trình hội nhập quốc tế về kế toán. Vấn đề này cũng đang được bàn thảo sôi nổi trong các diễn đàn khoa học, đóng góp ý kiến hoàn thiện Luật và chuẩn mực kế toán Việt Nam. Với nghiên cứu này, tôi cho rằng, việc sử dụng kết hợp mô hình giá trị hợp lý trong hệ thống kế toán Việt Nam là tất yếu trong giai đoạn hiện nay nhưng cần được thực hiện theo một lộ trình thận trọng.

Giá trị hợp lý được Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IASB) ban hành IFRS 13 “Xác định giá trị hợp lý” có hiệu lực từ ngày 01/07/2014. Tại Việt Nam, Luật kế toán ban hành năm 2015 cũng đã đề cập đến giá trị hợp lý đối với một số tài sản sau khi ghi nhận ban đầu và phương thức xác định giá trị hợp lý.

\* Trường Kinh tế, Trường ĐH Vinh; email: quynhlien140679@gmail.com



Như vậy, có thể thấy đây là một bước tiến lớn trong việc luật hoá mô hình giá trị hợp lý. Với mong muốn đề các quy định về áp dụng giá trị hợp lý trong luật kế toán thực sự đi vào cuộc sống trong tiến trình hội nhập kế toán quốc tế của Việt Nam, bài viết sẽ làm rõ hơn về giá trị hợp lý, ưu nhược điểm của mô hình giá trị hợp lý để từ đó đề xuất một số định hướng và giải pháp cho vấn đề này.

**2. Cơ sở lý thuyết về giá trị hợp lý**

Đến thời điểm hiện tại, giá trị hợp lý đã được đề cập trong một số chuẩn mực kế toán quốc tế như IAS 16 “Máy móc, thiết bị nhà xưởng”, IAS 36 “Tồn thất tài sản” IAS 37 “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng”, IAS 38 “Tài sản vô hình”, IAS 39 “Công cụ tài chính” IAS 40 “Bất động sản đầu tư”, IAS 41 “Nông nghiệp”, IFRS 2 “Thanh toán trên cơ sở cổ phiếu”, IFRS 3 “Hợp nhất kinh doanh”. Theo IAS 40 “Bất động sản đầu tư”: “Giá trị hợp lý là mức giá một tài sản có thể được trao đổi giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong một giao dịch hoàn toàn ngang giá”. Theo IFRS 3: “Giá trị hợp lý được hiểu là giá trị của tài sản hoặc nợ phải trả có thể được trao đổi giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và thiện chí trong giao dịch trao đổi ngang giá”. Theo Luật Kế toán Việt Nam 2015: “Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị”. Mỗi khái niệm sử dụng những thuật ngữ khác nhau với góc nhìn khác nhau để mô tả về giá trị hợp lý. Nhằm thống nhất cách hiểu và áp dụng giá trị hợp lý trong chuẩn mực kế toán cụ thể, FASB và IASB đã ban hành chuẩn mực kế toán và chuẩn mực báo cáo tài chính chuyên về giá trị hợp lý đó là IFRS 13 “Giá trị hợp lý” và FAS 157, theo đó các chuẩn mực này đều đưa ra các định nghĩa về giá trị hợp lý tương tự như cách tiếp cận của FAS 157: “Giá trị hợp lý là mức giá có thể chấp nhận được khi bán một tài sản hoặc phải trả khi thanh toán một khoản nợ trong một giao dịch bình thường giữa các bên tham gia thị trường tại ngày định giá”. Như vậy, quan điểm về giá trị hợp lý trong Luật Kế toán Việt Nam năm 2015 cũng tương đồng với quan điểm của FAS 157, phù hợp với quan điểm của xu thế quốc tế.

Việc sử dụng ngày càng phổ biến giá trị hợp lý trong kế toán trong khoảng hai thập kỷ gần đây xuất phát từ những cơ sở lý thuyết và thực tiễn đã được hình thành một cách khá hoàn chỉnh và phù hợp.

**Cơ sở lý thuyết về giá trị hợp lý**

*Một là, mục tiêu của thông tin tài chính:* Thông tin tài chính trong hai thập kỷ trở lại đây không còn hướng đến mục tiêu duy nhất là đánh giá trách nhiệm quản lý, trách nhiệm giải trình của nhà quản lý mà đặt trọng

tâm vào đáp ứng nhu cầu ra quyết định của các chủ thể kinh tế có lợi ích liên quan. Với mục tiêu này, cơ sở tính giá thị trường được chứng minh là phù hợp hơn cả và giá trị hợp lý là cơ sở tính giá tốt nhất trong việc dự báo dòng tiền trong tương lai. Vì vậy, giá trị hợp lý được xem là giải pháp tối ưu để đo lường và đánh giá trong kế toán.

*Hai là, yêu cầu của thông tin tài chính:* Từ đầu thế kỷ 20 đến cuối thập niên 1980, yêu cầu thích hợp và đáng tin cậy được xác định là các yêu cầu cơ bản nhất mà thông tin cần đảm bảo. Trong đó, về khuôn khổ lập quy, do sự ảnh hưởng của các biến cố kinh tế, tính tin cậy thường được nhấn mạnh hơn. Tuy nhiên, từ cuối thế kỷ 20, yêu cầu về tính thích hợp và tin cậy được xem xét một cách tích cực hơn theo hướng cân bằng hơn. Trên thực tế, yêu cầu “Tin cậy” đã được thay bằng “Trình bày trung thực”. Điều đó mở ra khả năng áp dụng rộng rãi hơn các cơ sở tính giá không phải là giá gốc, trong đó có giá trị hợp lý.

*Ba là, các giá định kế toán:* Việc sử dụng giá trị hợp lý trong kế toán không làm thay đổi giá định cơ bản của giá định hoạt động liên tục. Việc đo lường giá trị tài sản, nợ phải trả của doanh nghiệp theo giá trị hợp lý không có nghĩa là doanh nghiệp sẽ bán hoặc thanh toán ngay các tài sản. Mà thông qua việc cập nhật liên tục giá trị hợp lý của tài sản, thông tin kế toán có giá trị trong việc dự báo dòng tiền trong tương lai. Về góc độ nghiên cứu, mô hình giá trị hợp lý vẫn dựa trên nền tảng kế toán động, hướng tới tương lai đồng thời chịu sự chi phối nhất định của lý thuyết sở hữu.

Giá trị hợp lý là cơ sở đo lường đáp ứng yêu cầu ra quyết định của các chủ thể có lợi ích liên quan, hơn hẳn các cơ sở đo lường khác, thể hiện trên những khía cạnh cơ bản thuộc yêu cầu chất lượng của thông tin kế toán như sau:

*Tính thích hợp của thông tin:* Là yêu cầu quan trọng đối với thông tin kế toán tài chính. Giá trị hợp lý phản ánh điều kiện thị trường hiện tại, là cơ sở tính giá tốt nhất trong việc dự báo dòng tiền trong tương lai. Vì vậy, Giá trị hợp lý là giải pháp tối ưu để đo lường và đánh giá trong kế toán. Tính thích hợp của thông tin giúp Giá trị hợp lý cung cấp thông tin hữu ích cho việc ra quyết định hơn giá gốc.

*Tính tin cậy:* Là yêu cầu cơ bản của thông tin tài chính, hạn chế tối đa sự chủ quan của đơn vị cung cấp thông tin. Trình bày trung thực không đòi hỏi chính xác tuyệt đối mà cần đúng bản chất hiện tượng kinh tế.

Mặc dù tính tin cậy là một nhược điểm của giá trị hợp lý so với giá gốc, tuy nhiên, nhiều kết quả nghiên cứu đã chứng minh rằng, giá trị hợp lý là đáng tin cậy ở tất cả các cấp độ ước tính.

*Tính so sánh:* Với Giá trị hợp lý có thể so sánh sự hữu ích của thông tin đối với quá trình ra quyết định



của người sử dụng và có mối quan hệ với tính thích hợp. Thông tin tài chính có thể so sánh giữa các kỳ của một đơn vị hoặc giữa các đơn vị sẽ tăng cường thêm tính thích hợp. Cairns và cộng sự (2008), Christensen và Nikolaev (2009) khi nói đến các lợi ích của việc áp dụng giá trị hợp lý, đã nhấn mạnh vào lợi ích "tăng tính so sánh giữa các công ty". chứng chỉ kế toán trưởng

*Tính minh bạch:* Theo Laux và Leuz (2009), áp dụng giá trị hợp lý đối với tài sản hoặc nợ phải trả sẽ "làm tăng tính minh bạch và giúp công ty đề ra được các biện pháp khắc phục nhanh chóng và đúng lúc, giúp các nhà đầu tư đưa ra được các quyết định đầu tư chính xác".

Trong giai đoạn hiện nay, dù còn nhiều tranh luận, việc IASB ban hành riêng một chuẩn mực về đo lường giá trị hợp lý (Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế - IFRS 13) nhằm thống nhất việc xác định và đo lường giá trị hợp lý trong các chuẩn mực cho thấy, giá trị hợp lý là một xu hướng trong xây dựng khuôn khổ quy định về kế toán.

#### **Cách tiếp cận và kỹ thuật xác định giá trị hợp lý**

IASB và FASB đều đề cập đến ba cách tiếp cận cơ bản về giá trị hợp lý, đó là: Cách tiếp cận thị trường, cách tiếp cận thu nhập và cách tiếp cận chi phí. Cách tiếp cận thị trường: Theo IFRS 13 đoạn B5: "Cách tiếp cận thị trường sử dụng giá cả và các thông tin thích hợp được tạo ra bởi các giao dịch của thị trường liên quan đến các tài sản, nợ phải trả hoàn toàn giống và tương tự". Theo cách tiếp cận này, thông tin được sử dụng cho các mô hình kỹ thuật xác định giá trị hợp lý là thông tin trên cơ sở thị trường. Trong đó các thông tin chủ yếu bao gồm: Giá cả thị trường, lãi suất thị trường... Phương pháp kỹ thuật được áp dụng tương ứng với cách tiếp cận thị trường là phương pháp so sánh trực tiếp hoặc ma trận giá cả - Matrix pricing". Cách tiếp cận chi phí: Cách tiếp cận chi phí phản ánh số tiền mà hiện tại cần phải có để thay thế năng lực hoạt động của một tài sản (thường được gọi là giá thay thế hiện hành). Khi tham gia thị trường với tư cách của người bán, mức giá thu được từ bán tài sản cân bằng với giá của người mua. Người mua trên thị trường sẽ trả giá cho tài sản theo số tiền cần thiết để thay thế năng lực sản xuất cho tài sản đó.

#### **Dữ liệu sử dụng để xác định giá trị hợp lý**

IFRS 13 và FAS 157 đều đề cập đến việc xác định dữ liệu đầu vào để xác định giá trị hợp lý bao gồm dữ liệu quan sát và dữ liệu phi quan sát. Trong đó, dữ liệu quan sát là dữ liệu trên cơ sở thị trường, thu thập được từ các nguồn độc lập với đơn vị. Dữ liệu phi quan sát là dữ liệu dựa trên các giả định của đơn vị báo cáo về thị trường và các chủ thể tham gia vào thị trường. Để nâng cao tính tin cậy của thông tin tài chính FASB và

IASB đều khuyến cáo các đơn vị phải sử dụng tối đa các dữ liệu quan sát và hạn chế các dữ liệu phi quan sát khi áp dụng các kỹ thuật xác định giá trị hợp lý. Trong đó, dữ liệu được ưu tiên số 1 bao gồm giá cả được niêm yết đối với các tài sản và khoản nợ và hoàn toàn giống trên thị trường hoạt động. Dữ liệu được ưu tiên số 2 bao gồm toàn bộ dữ liệu quan sát được không được phân loại vào cấp độ ưu tiên 1 bao gồm: Giá cả niêm yết của các tài sản/nợ phải trả tương tự trên thị trường hoạt động; Giá cả niêm yết của các tài sản/nợ phải trả hoàn toàn giống trên thị trường hoạt động; Các dữ liệu đầu vào không phải là giá có thể quan sát được liên quan đến các tài sản/nợ phải trả tương tự trên thị trường hoạt động.

#### **3. Phương pháp nghiên cứu**

Áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính, các dữ liệu thứ cấp liên quan đến vấn đề nghiên cứu được thu thập từ các bài báo, công trình khoa học, luận án,... Dữ liệu sơ cấp thu thập thông qua khảo sát thực trạng việc vận dụng mô hình giá trị hợp lý trong phát triển kế toán ở Việt Nam. Dữ liệu được thu thập thông qua phỏng vấn các chuyên gia, các nhà nghiên cứu về kế toán, 12 doanh nghiệp đã niêm yết chứng khoán và 10 doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa niêm yết chứng khoán. Từ đó, bằng phương pháp thống kê, tổng hợp tác giả đã phân tích, suy luận, diễn giải các vấn đề liên quan để từ đó làm cơ sở đề xuất các giải pháp cho việc áp dụng mô hình giá trị hợp lý trong phát triển kế toán ở Việt Nam.

#### **4. Thực trạng áp dụng mô hình giá trị hợp lý trong phát triển kế toán ở Việt Nam**

Về khuôn khổ pháp lý quy định về giá trị hợp lý ở Việt Nam, giá trị hợp lý được đề cập đến từ năm 2005. Lần đầu tiên được đề cập trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" như sau: Giá trị hợp lý là giá trị tài sản có thể trao đổi hoặc giá trị khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá. Trong kế toán Việt Nam, giá trị hợp lý được sử dụng chủ yếu trong ghi nhận ban đầu của tài sản cố định, doanh thu, thu nhập khác, xác định giá phí hợp nhất kinh doanh. Tuy nhiên, vai trò của giá trị hợp lý còn khá mờ nhạt. Về phương pháp xác định giá trị hợp lý, ngoại trừ Đoạn 24 của VAS 04 "Tài sản cố định vô hình" có đề cập đến phương pháp xác định giá trị hợp lý của tài sản cố định vô hình và Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 có hướng dẫn việc xác định giá trị hợp lý trong xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đến nay chưa có hướng dẫn chính thức và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong Kế toán. Luật kế toán ban hành năm 2015 cũng mới chỉ đưa ra khái niệm về giá trị hợp lý, chưa đề cập đến phương pháp xác định giá trị hợp lý.



Thực trạng việc áp dụng giá trị hợp lý tại các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay, tác giả đã khảo sát 12 doanh nghiệp đã niêm yết chứng khoán trên sàn giao dịch và 10 doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa niêm yết chứng khoán về việc áp dụng giá trị hợp lý tại doanh nghiệp. Kết quả khảo sát cho thấy: 100% kế toán các doanh nghiệp vừa và nhỏ đã biết về giá trị hợp lý nhưng chưa hiểu sâu. Doanh nghiệp thiếu cơ sở, kỹ thuật để xác định giá trị hợp lý. Doanh nghiệp chỉ ghi nhận giá trị tài sản theo nguyên tắc giá gốc, Giá trị hợp lý chỉ được sử dụng trong việc đánh giá giá trị các khoản mục hàng tồn kho, nợ phải thu, các khoản đầu tư tài chính làm cơ sở để tính và trích lập dự phòng giảm giá tài sản, xác định giá trị các khoản vốn góp liên doanh bằng tài sản, chưa sử dụng giá trị hợp lý để ghi nhận ban đầu và sau ghi nhận ban đầu của các khoản mục tài sản, nợ phải trả. Kế toán tài các doanh nghiệp này cũng cho rằng phần lớn các đối tượng sử dụng thông tin chưa tin tưởng vào giá trị hợp lý. Kết quả khảo sát về việc áp dụng giá trị hợp lý đối với 12 doanh nghiệp đã niêm yết chứng khoán qua thống kê mô tả như sau:

Thống kê kết quả khảo sát tại các doanh nghiệp đã niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam. Nội dung khảo sát về giá trị hợp lý, 100% kế toán doanh nghiệp hiểu rõ về giá trị hợp lý; 60% doanh nghiệp đã sử dụng giá trị hợp lý trong kế toán, 100% doanh nghiệp sử dụng giá trị hợp lý trong ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư, giao dịch hợp nhất; 100% doanh nghiệp sử dụng giá trị hợp lý trong ghi nhận ban đầu các tài sản, nợ phải trả phát sinh ngoài giao dịch hợp nhất, đầu tư; 50% doanh nghiệp sử dụng giá trị hợp lý xác định giá trị hợp lý của tài sản cuối năm tài chính để trích lập dự phòng; 100% doanh nghiệp sử dụng giá trị hợp lý để trình bày các khoản mục tài sản, nợ phải trả sau ghi nhận ban đầu trên báo cáo tài chính; 100% doanh nghiệp có đủ cơ sở và phương tiện kỹ thuật để xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả; 30% các đối tượng sử dụng thông tin hiện nay tin tưởng vào giá trị hợp lý.

Như vậy, ngay cả đối với các doanh nghiệp đã niêm yết chứng khoán cũng tương đồng với các doanh nghiệp vừa và nhỏ chỉ khác là giá trị hợp lý còn được sử dụng trong các giao dịch hợp nhất và mức độ hiểu biết, cơ sở và kỹ thuật để xác định giá trị hợp lý của các doanh nghiệp đã niêm yết chứng khoán cao hơn các doanh nghiệp chưa niêm yết.

**5. Đánh giá thực trạng áp dụng mô hình giá trị hợp lý trong phát triển kế toán ở Việt Nam**

Áp dụng giá trị hợp lý được đánh giá là mang lại một BCTC có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu chất lượng của thông tin kế toán, từ đó mang lại những lợi ích thiết thực cho DN, quốc gia, cơ quan quản lý và nhà đầu tư, cụ thể như:

*Thứ nhất*, tăng cường mối quan hệ với bên cho vay. Các nghiên cứu về lợi ích của việc áp dụng giá trị hợp lý trong việc làm tăng khả năng vay nợ đã chứng minh rằng, người cho vay thích giá trị hợp lý hơn vì nó cho biết giá trị hiện tại của tài sản cố định, thông tin cũng như khả năng thanh toán của công ty và giá trị hợp lý có thể hiệu quả hơn trong đàm phán khế ước vay đối với các trái chủ. Bởi vậy, khả năng vay nợ của doanh nghiệp sẽ cao hơn khi áp dụng giá trị hợp lý.

*Thứ hai*, tiếp cận thị trường vốn quốc tế dễ dàng hơn. Lợi ích của việc áp dụng IFRS và giá trị hợp lý tập trung vào những tác động trên thị trường vốn và nhà đầu tư. Sự khác biệt trong các tiêu chuẩn kế toán của các nước được xem như là một trở ngại để đầu tư qua biên giới.

*Thứ ba*, nâng cao tính thanh khoản, giảm chi phí huy động vốn. Với việc áp dụng giá trị hợp lý, các doanh nghiệp đã cam kết một BCTC minh bạch, giảm sự bất cân xứng thông tin giữa trong và ngoài doanh nghiệp, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường trong lĩnh vực huy động vốn, nhờ đó mà nâng cao tính thanh khoản của tài sản của doanh nghiệp và giảm chi phí huy động vốn.

*Thứ tư*, giá trị hợp lý có vai trò quan trọng trong việc ra quyết định của doanh nghiệp, cung cấp thông tin để ra quyết định đầy đủ hơn, giúp mở rộng thị trường vốn, thông tin được cập nhật thường xuyên, liên tục...

*Thứ năm*, góp phần nâng cao uy tín quốc gia thông qua việc tuân thủ chuẩn mực quốc tế, góp phần thúc đẩy quá trình hội tụ quốc tế. Sự hòa hợp kế toán quốc tế có tính khả thi nếu sử dụng giá trị hợp lý và hệ thống kế toán theo giá trị hợp lý là chất xúc tác, góp phần thúc đẩy quá trình hội tụ quốc tế, nâng cao uy tín quốc gia.

*Thứ sáu*, giúp các cơ quan quản lý nắm được giá trị thực tế của DN, có thể kiểm soát việc tăng vốn không tại các DN. Nếu áp dụng giá trị hợp lý, các nhà đầu tư sẽ nhìn thấy rõ được vốn chủ sở hữu của các DN, các ngân hàng giảm do kết quả kinh doanh giảm, dẫn đến cô phiếu không thể giữ được giá hiện thời. Như vậy, việc áp dụng giá trị hợp lý sẽ kiểm soát được việc tăng vốn không của DN. Các cơ quan quản lý cũng như nhà đầu tư sẽ nắm được giá trị thực tế của DN, làm giảm khả năng làm giả số liệu thu nhập, làm tăng sự hiểu biết của các BCTC, đáp ứng được mục tiêu của BCTC và người dùng... học kế toán trên mạng.

*Thứ bảy*, giúp cải thiện đo lường hiệu suất. Việc áp dụng giá trị hợp lý sẽ nâng cao tính so sánh cho các BCTC, so sánh được các chỉ tiêu tài chính trong việc đo lường hiệu suất giữa các DN, nhờ đó có sự đánh giá đúng hơn về tình hình tài chính của DN mà các nhà đầu tư định đầu tư trên cơ sở đo lường các tỷ lệ tài chính.



**Thứ tám,** cung cấp thông tin hữu ích hơn cho nhà đầu tư so với giá gốc. Theo Laux và Leuz (2009), áp dụng giá trị hợp lý đối với tài sản hoặc nợ phải trả sẽ giúp các nhà đầu tư đưa ra được các quyết định đầu tư chính xác. Tính đúng đắn của thông tin trên BCTC thể hiện ở sự tin cậy của nhà đầu tư.

Ngoài ra, qua kết quả nghiên cứu về khung pháp lý về giá trị hợp lý cũng như thực tế việc áp dụng giá trị hợp lý trong các doanh nghiệp Việt Nam, có thể thấy nổi bật các vấn đề chủ yếu sau:

- Chưa xác định rõ ràng và nhất quán về tính tất yếu của việc sử dụng giá trị hợp lý là cơ sở định giá chủ yếu trong kế toán.

- Định nghĩa giá trị hợp lý chưa rõ ràng, chưa đầy đủ.

- Các quy định về giá trị hợp lý và sử dụng giá trị hợp lý trong kế toán nằm rải rác trong các chuẩn mực mang tính chấp vá, thiếu tính hệ thống.

- Chưa có hướng dẫn chính thức và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán.

- Giá trị hợp lý sử dụng chủ yếu cho ghi nhận ban đầu, chưa sử dụng để trình bày các khoản mục sau ghi nhận ban đầu, do đó chưa đạt được mục đích ghi nhận và trình bày các khoản mục theo những thay đổi của thị trường.

- Các đối tượng sử dụng thông tin kế toán chưa có niềm tin vào tính đáng tin cậy của giá trị hợp lý.

## 6. Giải pháp áp dụng mô hình giá trị hợp lý trong phát triển kế toán ở Việt Nam

Trên cơ sở nghiên cứu phương pháp luận về giá trị hợp lý, đánh giá thực trạng việc áp dụng mô hình giá trị hợp lý trong kế toán ở Việt Nam xuất một số khuyến nghị và giải pháp trong việc áp dụng giá trị hợp lý trong phát triển kế toán ở Việt Nam như sau:

**Thứ nhất, thiết lập hệ thống lý thuyết về giá trị hợp lý**

Tăng cường nghiên cứu về lý thuyết giá trị hợp lý: Khái niệm, phạm vi và điều kiện áp dụng, phương pháp xác định, đặc điểm và phương pháp lựa chọn mô hình giá trị hợp lý dựa trên dòng tiền, dựa trên sức mua cố định. Việc ghi nhận, đo lường và báo cáo cần được chuẩn hóa.

**Thứ hai, tăng cường hiệu quả kỹ thuật xác định giá trị hợp lý**

Hiện nay, với nguồn thông tin thị trường hạn chế thì phần lớn giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả cần được xác định với kỹ thuật định giá phức tạp. Giải pháp cần thực hiện đó là:

- Sử dụng kỹ thuật định giá để xác định và luật hóa các điều kiện, nguyên tắc và tiêu chuẩn giá trị hợp lý.

- Đẩy mạnh nghiên cứu để áp dụng các kỹ thuật định giá cũng như phổ biến kết quả định giá đạt được.

- Tích cực nghiên cứu và học hỏi kỹ thuật định giá nâng cao từ các quốc gia phát triển nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển về các kỹ thuật định giá so với các nước trên thế giới.

**Thứ ba, cần nghiên cứu sớm ban hành Chuẩn mực Kế toán** về xác định giá trị hợp lý phù hợp với thông lệ và chuẩn mực kế toán quốc tế.

**Thứ tư, cần tích cực và chủ động cải thiện môi trường kinh tế trong nước** tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng mô hình giá trị hợp lý

## 7. Kết luận

Thời gian gần đây, xuất hiện khá nhiều nghiên cứu bàn về khả năng sử dụng giá trị hợp lý thay thế cho giá gốc; Ảnh hưởng của việc áp dụng giá trị hợp lý đến chất lượng của thông tin tài chính; Mối liên hệ giữa giá trị hợp lý với các cuộc khủng hoảng tài chính... Các nghiên cứu này đều kết luận, việc sử dụng giá trị hợp lý trong kế toán là một xu hướng tất yếu song phải thận trọng, tránh việc lạm dụng giá trị hợp lý trong việc "thời phong" kết quả kinh doanh và "làm đẹp" báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Để đảm bảo hệ thống kế toán Việt Nam có sự hài hòa và tương thích với hệ thống kế toán các nước, tất yếu phải nghiên cứu, sử dụng các cơ sở tính giá khác ngoài giá gốc. Vì vậy, việc thay thế mô hình giá gốc bởi các mô hình tính giá khác, trong đó có mô hình giá trị hợp lý phải được thực hiện theo một lộ trình thận trọng.

## Tài liệu tham khảo:

- Bộ Tài chính (2012). 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Bộ Tài chính (2020). Quyết định số 345/QĐ-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc phê duyệt đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam.
- Debarshi Bhattacharya (2017). Adoption of Fair Value Accounting in Indian Accounting System. The IUP Journal of Accounting Research & Audit Practices, XVI (1), 36-45.
- Deloitte (2021). Chuyển đổi chuẩn mực kế toán Việt Nam sang chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Truy cập tại <https://www2.deloitte.com/content/dam/Deloitte/vn/Documents/audit/vn-aud-conversion-vas-to-ifsrs-vol-1-vn.pdf>
- IASB (2011). IFRS 13 - Fair Value Measurement.
- Mai Ngọc Anh (2011). "Nghiên cứu các mô hình đánh giá sau ghi nhận ban đầu đối với các yếu tố của báo cáo tài chính", Tạp chí Nghiên cứu khoa học kiểm toán, số 43/2011.
- Mai Ngọc Anh (2014). "Một số chuyên đề lý thuyết kế toán", Nhà xuất bản Tài chính.
- Nguyễn Tuấn Anh (2015). "Hoàn thiện luật kế toán trong tiến trình cải cách hệ thống kế toán Việt Nam". Học viện Tài chính.
- Bộ Tài chính (2014). "Thông tư 200/2014/TT-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014".
- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2003). Luật Kế toán Việt Nam năm 2003.
- Trần Thị Hương, Vũ Thị Thế (2022). Áp dụng mô hình giá trị hợp lý trong hội nhập kế toán quốc tế của Việt Nam, Kỳ yếu hội thảo khoa học "Những tác động của dịch Covid-19 ảnh hưởng đến lĩnh vực kế toán - kiểm toán trong giai đoạn hiện nay", Trường Đại học Lao động Xã hội.